TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2026/DS-ST Ngày 25 - 3 - 2026 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Đình Ca.

2. Ông Nguyễn Hồng Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đinh Triều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1. Địa chỉ: Tầng A và tầng B, Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, Thành phố H (nay là phường S, Thành phố H).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Việt T – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1. Địa chỉ Lầu B, số B đường N, phường B, tỉnh Đắk Lắk) (Có mặt).

*** Bị đơn:** Vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1967 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (gọi tắt là Ngân hàng) ký với ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị T1 các đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 7023658.21, ngày 20/12/2021 với nội dung: Ngân hàng cho ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 vay số tiền 460.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Mua xe ô tô mới kinh doanh; Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân đến ngày 20/12/2028; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,10%/năm. Lãi suất chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng Lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm; Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Hàng tháng vào ngày 20, kỳ trả đầu tiên vào 20/01/2022, số tiền trả mỗi kỳ là 7.567.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả lãi: Hàng tháng, vào ngày 20, kỳ trả đầu tiền vào ngày 20/01/2022.

- Hợp đồng tín dụng số 8540247.22, ngày 19/04/2022 với nội dung: Ngân hàng cho ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 vay số tiền 1.320.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Mua xe ô tô tải kinh doanh; Thời hạn vay: 72 tháng từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân đến ngày 20/04/2028; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,40%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%/năm. Trả lãi: Hoàn trả tín dụng gốc: Hàng tháng, mỗi tháng trả 18.333.000 đồng, vào ngày 20. Kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 20/05/2022. Kỳ cuối trả hết. Ngày trả lãi: Hàng tháng, vào ngày 20, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 20/05/2022.

- Biện pháp bảo đảm tiền vay: Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

+ Xe ô tô nhãn hiệu: HINO, số loại: XZU352L-HKMRKD8/NT.MB, biển số: 47H-012,48, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47 013527 do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 17/12/2021.

+ Xe ô tô nhãn hiệu: HINO, số loại: FL8JW7A, biển số: 47H-01951, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47 021063 do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 14/04/2022.

Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

- Quá trình thực hiện hợp đồng, đôn đốc, thu hồi nợ:

+ Ngày 20/12/2021, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7023658(1).21

với số tiền 460.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

+ Ngày 20/04/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8540247(1).22 với số tiền 1.320.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị T1 mới thanh toán được cho Ngân hàng số tiền là 1.621.020.743 đồng (trong đó: gốc là 1.066.451.634 đồng, lãi là 554.569.109 đồng) và khoản vay đã quá hạn từ ngày 21/07/2025. Tạm tính đến ngày 25/3/2026, ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị T1 còn nợ Ngân hàng số tiền là 802.483.001 đồng (trong đó gốc: 713.548.366 đồng, lãi trong hạn 47.950.949 đồng, lãi quá hạn 38.784.212 đồng và phạt chậm trả là 2.119.474 đồng).

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị T1 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền chưa thanh toán theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) đã ký trong một lần và ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2026 là 802.483.001 đồng (trong đó gốc: 713.548.366 đồng, lãi trong hạn 47.950.494 đồng, lãi quá hạn 38.784.212 đồng và phạt chậm trả là 2.199.473 đồng).

2. Ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn, tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại HĐTD đã ký kể từ ngày 26/3/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định tại HĐTD đã ký.

3. Công nhận Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9823877.21 ngày 20/12/2021 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 3875734.22.416 ngày 20/04/2022 (HĐTC) có hiệu lực pháp luật. Trường hợp, ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị Tuyết K thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm theo các phương thức và nội dung quy định đã thỏa thuận tại HĐTC và/hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm là:

+ Xe ô tô nhãn hiệu: HINO, số loại: XZU352L-HKMRKD8/NT.MB, biển số: 47H-012,48, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47 013527 do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 17/12/2021.

+ Xe ô tô nhãn hiệu: HINO, số loại: FL8JW7A, biển số: 47H-01951, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47 021063 do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 14/04/2022.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị T1 với Ngân hàng. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Ngọc D trình bày:*

Bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp như nguyên đơn trình bày và xác định còn nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 25/3/2026 là 802.483.001 đồng (trong đó gốc: 713.548.366 đồng, lãi trong hạn 47.950.494 đồng, lãi quá hạn 38.784.212 đồng và phạt chậm trả là 2.199.473 đồng). Do trong quá trình sử dụng hai xe ô tô ngân hàng không cấp giấy đi đường cho bị đơn để lưu hành xe, vì vậy bị đơn không đồng ý với số tiền lãi, còn tiền gốc thì đề nghị Ngân hàng cho bị đơn trả thành 02 đến 03 đợt.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 203, 220 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH17 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1. Buộc ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 phải trả số nợ gốc là 713.548.366 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày 25/3/2026 là 88.934.635 đồng. Tổng cộng là 802.483.000 đồng (đã làm tròn). Trong đó nợ của hợp đồng số 7023658.21 số tiền gốc là 99.651.000 đồng, lãi là 7.286.855 đồng; Nợ của hợp đồng số 8540247.22 số tiền gốc là 613.897.666 đồng, lãi là 81.647.781 đồng.

Trường hợp ông Q, bà T1 không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyết phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để trả

nợ, ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý các tài sản khác của ông Q, bà T1 để thu hồi nợ.

+ Về án phí dân sự sơ thâm: Bị đơn ông Q, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị Tuyết T2 nợ gốc và lãi do vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn cư trú tại thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk . Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Nhận thấy giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 các đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 7023658.21, ngày 20/12/2021 với nội dung: Ngân hàng cho ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 vay số tiền 460.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Mua xe ô tô mới kinh doanh; Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân đến 20/12/2028; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,10%/năm. Lãi suất chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng Lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm; Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Hàng tháng vào ngày 20, kỳ trả đầu tiền 20/01/2022, số tiền trả mỗi kỳ 7.567.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả lãi: Hàng tháng, vào ngày 20, kỳ trả đầu tiền 20/01/2022.

- Hợp đồng tín dụng số 8540247.22, ngày 19/04/2022 với nội dung: Ngân hàng cho ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 vay số tiền 1.320.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Mua xe ô tô tải kinh doanh; Thời hạn vay: 72 tháng từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân đến ngày 20/04/2028; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,40%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%/năm. Trả lãi: Hoàn trả tín dụng gốc: Hàng tháng, mỗi tháng trả 18.333.000 đồng, vào ngày 20. Kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 20/05/2022. Kỳ cuối trả hết. Ngày trả lãi: Hàng tháng, vào ngày 20, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 20/05/2022

- Biện pháp bảo đảm tiền vay: Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

+ Xe ô tô nhãn hiệu: HINO, số loại: XZU352L-HKMRKD8/NT.MB, biển số: 47H-012,48, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47 013527 do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 17/12/2021 mang tên ông Nguyễn Đình Q.

+ Xe ô tô nhãn hiệu: HINO, số loại: FL8JW7A, biển số: 47H-01951, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47 021063 do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 14/04/2022 mang tên ông Nguyễn Đình Q.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên các hợp đồng này có hiệu lực pháp luật ràng buộc về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2]. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 đã vi phạm phương thức, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận khi không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi khi đến hạn thanh toán, như vậy ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 phải thanh toán số tiền vay tính đến tính đến ngày 25/3/2026 là 802.483.001 đồng (trong đó gốc: 713.548.366 đồng, lãi trong hạn 47.950.949 đồng, lãi quá hạn 38.784.212 đồng và phạt chậm trả là 2.119.474 đồng) và tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn từ ngày 26/3/2026 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ gốc cho Ngân hàng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 13, 18 Thông tư số 39/2016/ TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.3]. Xét Hợp đồng thế chấp số 982387721 ngày 20/12/2021 để bảo đảm cho khoản vay của ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị T1 theo Hợp đồng tín dụng số 7023658.21, ngày 20/12/2021 và Hợp đồng thế chấp số 387573422.416, ngày 20/4/2022 để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8540247.22, ngày 19/04/2022 đã được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Đà Nẵng chứng nhận là phù hợp với Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực pháp luật. Các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải với nội dung trường hợp bên vay vốn và thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp. Xét thấy, ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và cũng là bên thế chấp để bảo đảm cho khoản vay, đã vi phạm nghĩa vụ theo nội dung hợp đồng thế chấp nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu:

HINO, số loại: XZU352L-HKMRKD8/NT.MB, biển số: 47H-012,48, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47 013527 do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 17/12/2021 và xe ô tô nhãn hiệu: HINO, số loại: FL8JW7A, biển số: 47H-01951, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47 021063 do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 14/04/2022 là có căn cứ cần chấp nhận.

[3]. Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.074.000 đồng (đã làm tròn). Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 299, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Các Điều 13,18 Thông tư số 39/2016/ TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1.

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 toàn bộ số tiền nợ tính đến hết ngày 25/3/2026, gồm nợ gốc: 713.548.366 đồng, lãi trong hạn 47.950.949 đồng, lãi quá hạn 38.784.212 đồng và phạt chậm trả là 2.119.474 đồngp. Tổng cộng là 802.483.001 đồng *(T3 trăm lẻ hai triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, không trăm lẻ một đồng).*

2. Vợ chồng ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7023658.21, ngày 20/12/2021 và Hợp đồng tín dụng số 8540247.22, ngày 19/04/2022 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1

với ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 kể từ ngày 26/3/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị Tuyết K thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 982387721, ngày 20/12/2021 và Hợp đồng thế chấp số 387573422.416, ngày 20/4/2022 được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng chứng nhận để thu hồi nợ, cụ thể là: Xe ô tô nhãn hiệu: HINO, số loại: XZU352L-HKMRKD8/NT.MB, biển số: 47H-012,48, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47 013527 do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 17/12/2021 cho ông Nguyễn Đình Q và Xe ô tô nhãn hiệu: HINO, số loại: FL8JW7A, biển số: 47H-01951, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 47 021063 do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp ngày 14/04/2022 cho ông Nguyễn Đình Q.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì vợ chồng ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1.

5. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị T1 phải chịu 36.074.000 đồng *(Ba mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi tư nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho cho Ngân hàng Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.419.458 đồng (*Mười bảy triệu, bốn trăm mười chín nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng*) tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000416, ngày 13/01/2026.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 5 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Quốc Định